TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XM** TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/DS-ST
Ngày: 13/12/2021.
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nga.
2. Bà Đoàn Thị Mến.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện XM tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện XM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2020/TLST- DS ngày 14 tháng 01 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST – DS ngày 14 tháng 01 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số 31/2021/QĐST – DS ngày 25 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Vay V, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố LS, thị trấn PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn A, sinh năm: 1982 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: 13/19A, Chi Lăng, Phường 12, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ liên hệ: Số 76, đường Cu Ba, phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố LS, thị trấn PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Huỳnh Hớn T, sinh năm: 1957 (vắng mặt, có đơn xin vắng).

Địa chỉ: Khu phố LS, thị trấn PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người làm chứng: Bà A Mi N, sinh năm: 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp NP, xã XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Huỳnh Vay V do người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Văn A trình bày:

Trong khoảng thời gian năm 2017 bà Huỳnh Vay V cho bà Phạm Thị T vay tổng cộng số tiền là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), làm 03 lần vay mỗi lần là 100.000.000đ. Hình thức vay trả góp; mỗi ngày phải trả 1.000.000đ/100.000.000đ, thời gian phải trả góp là 120 ngày. bà T chỉ trả góp đến giữa năm 2017 trở về sau thì không trả góp nữa và còn thiếu bà V số tiền là 137.700.000đ. Tại đơn khởi kiện, bà V khai cho bà T vay số tiền 370.000.000đ là bị nhầm lẫn. Theo biên bản làm việc tại Công an thị trấn PB, huyện XM, bà V và bà T thống nhất: bà T còn nợ bà V là 137.700.000đ, nhưng tại đơn khởi kiện bà V muốn làm tròn số nên chỉ khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền còn nợ là 137.000.000đ.

Cụ thể như sau:

+ Lần 1: bà V đã đưa cho bà T số tiền 100.000.000đ (không nhớ cụ thể ngày tháng) trả trong vòng 120 ngày, mỗi ngày trả 1.000.000đ. bà T đã trả được 113 ngày tương đương với 113.000.000đ. bà T còn thiếu lại 07 ngày, tương đương số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng). Khi vay hai bên không viết giấy tờ gì, chỉ ghi vào sổ của bà T, không ai ký tên và không ai làm chứng, cũng không thế chấp tài sản gì.

+ Lần 2: bà V đưa cho bà T số tiền 100.000.000đ (không nhớ cụ thể ngày tháng) trả trong vòng 120 ngày, mỗi ngày trả 1.000.000đ. bà T đã trả được 103 ngày tương đương với 103.000.000đ. bà T còn thiếu lại 17 ngày, tương đương số tiền 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng). Khi vay hai bên không viết giấy tờ gì, chỉ ghi vào sổ của bà T, không ai ký tên và không ai làm chứng, cũng không thế chấp tài sản gì.

+ Lần 3: bà V đưa cho bà T số tiền 100.000.000đ (không nhớ cụ thể ngày tháng) trả trong vòng 120 ngày, mỗi ngày trả 1.000.000đ. bà T đã trả được 54 ngày tương đương với 54.000.000đ. bà T còn thiếu lại 66 ngày, tương đương số tiền 66.000.000đ (sáu mươi sáu triệu đồng). Khi vay hai bên không viết giấy tờ gì, chỉ ghi vào sổ của bà T, không ai ký tên và không ai làm chứng, cũng không thế chấp tài sản gì.

Theo đó, 03 lần vay: bà T còn nợ bà V tổng số tiền là 90.000.000đ. Ngoài ra bà T còn thiếu bà V khoảng tiền khác là 41.700.000đ và 6.000.000đ tiền lãi trên số tiền 200.000.000đ mà bà T đã vay trước đó của bà V. Cứ 200.000.000đ tiền gốc, mỗi tháng bà T phải đóng 6.000.000đ. Do đó, tổng cộng lại các khoản

trên bà T còn thiếu bà V số tiền 137.700.000đ. Nhưng bà V chỉ yêu cầu bà T trả 137.000.000đ, không yêu cầu tính lãi suất.

Các biên bản ghi lời khai tại Công an thị trấn PB là lời khai và chữ ký của bà V.

Ngày 29/10/2021 bà Huỳnh Vay V có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) mà bà T đã trả cho con gái bà V tên "Bé Út" (Nguyễn Thanh Nhi). Việc bà V rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 12.000.000đ là hoàn toàn tự nguyện. Nay bà V yêu cầu bà T phải trả số tiền còn lại là 125.000.000đ và không yêu cầu tính lãi suất.

Bà Huỳnh Vay V trình bày: bà V thống nhất với lời trình bày của ông Trần Văn A, bà V không bổ sung gì thêm.

Bị đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Trong khoảng thời gian năm 2017 đến tháng 01/2018, bà V cho bà T vay tổng cộng số tiền 230.000.000đ, vay làm nhiều lần, mỗi lần vay số tiền 20.000.000đ và 30.000.000đ. Mỗi lần vay bà T có viết vào sổ vay tiền của bà V, ghi số tiền vay, ngày vay, không có chữ ký của ai; bà V là người đang giữ sổ vay tiền này. Lãi suất phải trả mỗi tháng là 1.000.000đ/10.000.000đ (tương đương 10%/năm). Từ tháng 01/2017 đến ngày 25/02/2018 (nhằm ngày 10/01/2018 âm lịch), bà T đã trả lãi đầy đủ hàng tháng cho bà V với số tiền là 23.000.000đ/tháng; tổng cộng lãi đã trả là 342.000.000đ. Ngày 25/02/2018, bà T đã trả xong số tiền nợ gốc cho bà V là 230.000.000đ. Việc trả lãi không có làm giấy tờ nhưng việc trả tiền gốc thì có ghi vào một tờ giấy học sinh nội dung:

"*Tiền đứng 230 triệu*

Góp thiếu ngày 4 triệu

……"

Giấy do bà V ghi và không có chữ ký của ai.

Như vậy, bà T đã trả đầy đủ số tiền gốc 230.000.000đ và tiền lãi cho bà V.

Các ngày 10/01/2018 và ngày 09/3/2018, bà T có tham gia chơi hụi do bà V làm chủ hụi, cụ thể như sau:

- Ngày 10/01/2018, bà T tham gia chơi 01 dây hụi 100.000.000đ đóng 120 ngày, mỗi ngày đóng 1.000.000đ. bà T đã đóng được 113 ngày tương đương 113.000.000đ và còn lại 07 ngày tương đương 7.000.000đ.

- Ngày 09/3/2018, bà T tham gia chơi 01 dây hụi 100.000.000đ đóng 120 ngày, mỗi ngày đóng 1.000.000đ. bà T đã đóng được 103 ngày tương đương 103.000.000đ và còn lại 17 ngày tương đương 17.000.000đ.

- Ngày 09/3/2018, bà T tham gia chơi 01 dây hụi 100.000.000đ đóng 120 ngày, mỗi ngày đóng 1.000.000đ. bà T đã đóng được 54 ngày tương đương 54.000.000đ và còn lại 66 ngày tương đương 66.000.000đ.

Việc chơi hụi ghi vào giấy viết tay mà bà T đã cung cấp cho Tòa án, giấy do bà V và bà T cùng ghi, không có chữ ký của ai.

Tổng cộng số tiền của 03 dây hụi bà T còn thiếu bà V là 90.000.000đ. Ngoài ra, bà T còn nợ bà V một khoản lãi nữa là 41.700.000đ trên số tiền 230.000.000đ mà bà T đã vay của bà V và đã trả cho bà V. Ngoài ra, bà T còn thiếu bà V 6.000.000đ tiền lãi trên số tiền lãi trên 230.000.000đ. Cứ 230.000.000đ thì tiền lãi mỗi tháng là 23.000.000đ. Việc này giữa bà T và bà V có làm giấy tờ nhưng giấy này bà V giữ, bà T không giữ giấy nào. Số tiền 6.000.000đ này bà T cũng đã trả cho bà V. Việc bà T trả cho bà V số tiền 41.700.000đ và 6.000.000đ bà T không làm giấy tờ gì, cũng không ai làm chứng.

Nay bà T xác nhận còn nợ bà V số tiền 18.000.000đ tiền gốc và 60.000.000đ tiền lãi. Tổng cộng là 78.000.000đ. Số tiền 78.000.000đ còn nợ này bà T không đồng ý trả cho bà V vì bà T đã trả cho bà V rất nhiều tiền lãi. Mỗi lần trả lãi hai bên không làm giấy tờ, cũng không ai chứng kiến.

Nay bà V yêu cầu bà T trả 125.000.000đ. bà T không đồng ý vì bà T đã trả cho bà V rất nhiều tiền lãi.

Đối với số tiền 12.000.000đ mà bà V yêu cầu rút thì bà T đồng ý.

Ngày 22/11/2021 bà T nộp đơn yêu cầu phản tố và tại phiên tòa bà T yêu cầu: Tòa án tính toán lại số tiền mà bà T đã trả trong 03 dây hụi là 300.000.000đ nhưng bà T đã trả được 270.000.000đ và 12.000.000đ đã trả cho "Bé Út" (con bà V). Tổng cộng bà T đã trả cho bà V số tiền 282.000.000đ. Yêu cầu Tòa án tính toán lại tiền lãi suất theo quy định của pháp luật trên số tiền nợ gốc 300.000.000đ. Cụ thể 100.000.000đ tính từ ngày 10/01/2018 và số tiền 200.000.000đ tính từ ngày 09/3/2018 (02 lần vay) đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, theo lãi suất quy định của pháp luật. Đồng thời yêu cầu Tòa án tính toán lại số tiền lãi suất 24.000.000đ mà bà T đã trả cho bà V trên số tiền nợ gốc 230.000.000đ.

Các biên bản ghi lời khai tại Công an thị trấn PB là lời khai và chữ ký của bà T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Hớn T, trình bày:

Ông Huỳnh Hớn T là chồng của bà Phạm Thị T và là anh trai của bà Huỳnh Vay V. Việc vay tiền giữa bà T và bà V, ông T không biết và không liên quan gì. Nay xảy ra tranh chấp việc vay tài sản giữa bà T và bà V, ông T không có ý kiến hay yêu cầu gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng bà A Mi N trình bày:

Bà A Mi N không có mối quan hệ gì với bà Phạm Thị T cũng như bà Huỳnh Vay V, bà Na biết bà T do buôn bán làm ăn. Trong năm 2017, do bà Na cần tiền nên có hỏi bà T vay tiền. Vì thế bà T mới vay tiền của bà V. Bà Na không biết bà T vay của bà V số tiền bao nhiêu, mà bà Na chỉ chứng kiến được một lần bà V cho bà T vay số tiền là 20.000.000đ. bà T phải trả tiền lãi hàng

tháng cho bà V là 23.000.000đ vì bà Na có chứng kiến được 01 lần bà T trả lãi cho bà V 23.000.000đ, nhưng không nhớ thời gian nào, chỉ nhớ là khoảng 01 tháng kể từ khi bà V cho bà T vay tiền. Bà Na nghe bà T nói bà T còn nợ bà V số tiền lãi là 119.000.000đ, còn tiền gốc đã trả xong hết. Do còn nợ lãi 119.000.000đ chưa trả được nên bà V cùng các con bà V có đến đập phá chỗ buôn bán của bà T.

Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên vụ án còn để quá thời hạn xét xử nhưng không có quyết định gia hạn là còn thiếu sót nhưng vấn đề này không ảnh hưởng lớn đến nội dung vụ án đề nghị Tòa án rút kinh nghiệm.

Về nội dung, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ đối với phần nguyên đơn đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án yêu cầu thanh toán tiền còn nợ theo hợp đồng vay tài sản giữa bà Huỳnh Vay V và bà Phạm Thị T, do vậy xác định đây là tranh chấp dân sự, về quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn bà Phạm Thị T có nơi cư trú tại huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Vì vậy, căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[2] Về nội dung:

Việc vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập sau ngày 01/01/2017 nên thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, thể hiện:

[2.1] Về thời gian vay tiền:

bà V cho rằng vào năm 2017 bà V có cho bà T vay tiền làm nhiều lần nhưng không nhớ rõ thời gian. Cụ thể như sau:

+ Lần 1: bà V đã đưa cho bà T số tiền 100.000.000đ (không nhớ cụ thể ngày tháng) trả trong vòng 120 ngày, mỗi ngày trả 1.000.000đ. bà T đã trả được 113 ngày tương đương với 113.000.000đ. bà T còn thiếu lại 07 ngày, tương đương số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng). Khi vay hai bên không viết giấy tờ gì, chỉ ghi vào sổ của bà T, không có ai ký tên và không ai làm chứng, cũng không thế chấp tài sản gì.

+ Lần 2: bà V đưa cho bà T số tiền 100.000.000đ (không nhớ cụ thể ngày tháng) trả trong vòng 120 ngày, mỗi ngày trả 1.000.000đ. bà T đã trả được 103 ngày tương đương với 103.000.000đ. bà T còn thiếu lại 17 ngày, tương đương số tiền 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng). Khi vay hai bên không viết giấy tờ gì, chỉ ghi vào sổ của bà T, không có ai ký tên và không ai làm chứng, cũng không thế chấp tài sản gì.

+ Lần 3: bà V đưa cho bà T số tiền 100.000.000đ (không nhớ cụ thể ngày tháng) trả trong vòng 120 ngày, mỗi ngày trả 1.000.000đ. bà T đã trả được 54 ngày tương đương với 54.000.000đ. bà T còn thiếu lại 66 ngày, tương đương số tiền 66.000.000đ (sáu mươi sáu triệu đồng). Khi vay hai bên không viết giấy tờ gì, chỉ ghi vào sổ của bà T, không có ai ký tên và không ai làm chứng, cũng không thế chấp tài sản gì.

bà T cho rằng:

Các ngày 10/01/2018 và ngày 09/3/2018, bà T có tham gia chơi hụi do bà V làm chủ hụi, cụ thể như sau:

- Ngày 10/01/2018, bà T tham gia chơi 01 dây hụi 100.000.000đ đóng 120 ngày, mỗi ngày đóng 1.000.000đ. bà T đã đóng được 113 ngày tương đương 113.000.000đ và còn lại 07 ngày tương đương 7.000.000đ.

- Ngày 09/3/2018, bà T tham gia chơi 01 dây hụi 100.000.000đ đóng 120 ngày, mỗi ngày đóng 1.000.000đ. bà T đã đóng được 103 ngày tương đương 103.000.000đ và còn lại 17 ngày tương đương 17.000.000đ.

- Ngày 09/3/2018, bà T tham gia chơi 01 dây hụi 100.000.000đ đóng 120 ngày, mỗi ngày đóng 1.000.000đ. bà T đã đóng được 54 ngày tương đương 54.000.000đ và còn lại 66 ngày tương đương 66.000.000đ.

Việc chơi hụi ghi vào tờ giấy viết tay mà bà T đã cung cấp cho Tòa án, giấy do bà V và bà T cùng ghi, không có chữ ký của ai. bà T xác nhận việc chơi hụi này chỉ có bà V và bà T. Từ đó cho thấy bà T có sự nhầm lẫn giữa vay tiền và góp hụi, nay Hội đồng xét xử xác định việc "chơi hụi" mà bà T trình bày thực chất là vay tài sản với bà V, theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

Giữa nguyên đơn và bị đơn có sự thống nhất về số tiền vay nhưng không thống nhất về ngày, tháng, năm vay tiền. bà V cho rằng việc vay tiền được xác lập vào năm 2017 nhưng bà T cho rằng việc vay tiền được xác lập vào năm 2018. Quá trình làm việc tại Tòa án bà T có cung cấp cho Tòa án giấy ghi chú việc vay tiền trong đó có thể hiện "10 - 1, 9 - 3, 9 - 3" nhưng không thể hiện năm nào, cũng không có chữ ký xác nhận của ai. Tại biên bản ghi lời khai ngày

27/11/2019 tại Công an thị trấn PB bà Phạm Thị T khai "vào năm 2017 tôi có mượn của em chồng tôi là én hình thức trả góp, với số tiền là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) tôi mượn 03 lần, mỗi lần 100.000.000đ mượn trong vòng 120 ngày, mỗi ngày góp 1.000.000đ trong số 100.000.000đ. Tôi trả được một thời gian thì không đủ khả năng trả nữa nên ngưng trả". Từ đó có cơ sở, xác định việc bà T có vay của bà V số tiền 300.000.000đ làm 03 lần vào năm 2017.

[2.2] Về số tiền còn nợ:

bà V và bà T đều thống nhất số tiền bà T còn thiếu bà V qua 03 lần vay tiền trả góp: lần 01 bà T còn thiếu bà V số tiền 7.000.000đ; lần 2 bà T còn thiếu bà V số tiền trả góp 17.000.000đ; lần 3 bà T còn thiếu bà V số tiền 66.000.000đ. Tổng 03 lần vay tiền bà T còn thiếu bà V số tiền 90.000.000đ. Do đó có cơ sở xác định bà T còn nợ bà V số tiền 90.000.000đ.

Đối với số tiền 41.700.000đ bà V cho rằng bà T còn thiếu bà V trong một khoản vay khác, còn bà T cho rằng bà T còn nợ bà V một khoản lãi nữa là 41.700.000đ là tiền lãi trên số tiền 230.000.000đ (bà T đã vay của bà V) và bà T đã trả cho bà V số tiền 41.700.000đ. Cả bà T và bà V đều thống nhất bà T nợ bà V số tiền 41.700.000đ nhưng về nguồn gốc số tiền thì bà T và bà V trình bày có sự mâu thuẫn. bà T cho rằng đã trả cho bà V số tiền 41.700.000đ nhưng bà T không có giấy tờ gì để chứng minh. Do đó, có cơ sở xác định bà T còn nợ bà V số tiền 41.700.000đ.

Đối với số tiền 6.000.000đ bà V cho rằng đây là tiền lãi trên số tiền gốc 200.000.000đ mà bà T đã vay trước đó của bà V; còn bà T cho rằng bà T còn thiếu bà V số tiền 6.000.000đ là tiền lãi trên số tiền 230.000.000đ. Cả bà V và bà T đều thống nhất bà T còn nợ bà V số tiền 6.000.000đ nhưng về nguồn gốc số tiền bà V và bà T trình bày có sự mâu thuẫn. bà T cho rằng đã trả cho bà V số tiền 6.000.000đ nhưng bà T không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Do đó, có cơ sở xác định bà T còn nợ bà V số tiền 6.000.000đ.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 27/11/2019 tại Công an thị trấn PB bà Phạm Thị T khai "Đến gần tết 2019 tôi với én ngồi tính với nhau … còn nợ lại 137.700.000đồng của én. Trong tổng số 300.000.000 đồng lúc đầu tôi mượn và xin không trả lãi. Từ đó đến nay tôi chưa trả được số nợ 137.7000.000đồng mà tôi nợ của én" và tại đơn trình báo ngày 27/11/2019 bà T trình bày "tôi là Phạm Thị T có mượn của … Én em chồng tôi 137.700.000đ nhưng chưa có trả". Từ đó có cơ sở xác định số tiền bà T còn nợ bà V là 137.700.000đ. Tuy nhiên, bà V chỉ yêu cầu bà T trả số tiền 137.000.000đ. bà V xác nhận bà T đã trả cho bà V 12.000.000đ thông qua "Bé Út" nên số tiền bà T còn nợ bà V là 125.000.000đ.

Do đó bà Huỳnh Vay V yêu cầu bà Phạm Thị T phải trả cho bà V số tiền 125.000.000đ, là có cơ sở nên cần chấp nhận. bà V không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Đối với số tiền 12.000.000đ bà T đã trả cho "Bé Út" (con của bà V), bà V xin rút yêu cầu đối với số tiền này nên Hội đồng xét xử đình chỉ.

[2.4] Đối với yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị T:

Ngày 17/11/2021 bà T có đơn yêu cầu phản tố. Tuy nhiên, bà T yêu cầu tính toán lại lãi suất liên quan số tiền 300.000.000đ mà bà V đã cho bà T vay, nên Hội đồng xét xử xác định đây chỉ là ý kiến, yêu cầu của bà T đối với việc vay tiền mà không phải là yêu cầu phản tố. Cũng trong đơn phản tố ngày 17/11/2021 có thể hiện "Nhờ tòa xem xét dùm có phải 48 ngày 24 triệu tiền lãi, do chính tay bà V viết không, đây là bằng chứng, mong tòa xem xét dùm" bà T không yêu cầu Tòa án tính toán số tiền lãi 24.000.000đ này trên số tiền nợ gốc nào, và tính toán như thế nào, bà T cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Hơn nữa, theo quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì "bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải". Do đó, yêu cầu phản tố của bà T đối với số tiền lãi 24.000.000đ Tòa án không xem xét trong vụ án này, giành quyền khởi kiện cho bà T bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[2.5] Đối với việc bà T yêu cầu Hội đồng xét xử tính toán lại số tiền lãi mà bà T đã trả cho bà V trên tổng số tiền nợ gốc 300.000.000đ tính từ ngày 10/01/2018 đối với số tiền 100.000.000đ và tính từ ngày 09/3/2018 (02 lần vay) đối với số tiền 200.000.000đ đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Do xác định năm các bên xác lập việc vay tiền là vào năm 2017 nhưng nguyên đơn và bị đơn không xác định được ngày tháng vay tiền. bà T cũng không có chứng cứ gì thể hiện việc vay tiền giữa hai bên là vào ngày 10/01/2018 và ngày 9/3/2018 (các giấy tờ mà bà T cung cấp không thể hiện năm vay tiền, chỉ thể hiện ngày 10 - 1; 9 - 3 và cũng không ai ký tên xác nhận), hơn nữa qua các biên bản làm việc cũng như tại phiên tòa bà T xác nhận việc vay mượn tiền bà V diễn ra vào năm 2017, nên không có cơ sở để tính toán lại số tiền lãi mà bà T đã đóng cho bà V vào các ngày 10/01/2018 và ngày 09/3/2018, theo yêu cầu của bà T.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466; Điều 468 và Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Vay V đối với bà Phạm Thị T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

2. Buộc bà Phạm Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Vay V số tiền 125.000.000đ (một trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Vay V về việc yêu cầu bà Phạm Thị T trả số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng).

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị T phải nộp 6.250.000đ (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho bà Huỳnh Vay V số tiền tạm ứng án phí 3.425.000đ (ba triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003850 ngày 14/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu;
- VKSND huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thảo